

Bản án số: 157/2022/DS-PT

Ngày 16-11-2022.

*“Tranh chấp hợp đồng dân sự
về việc gửi tiền”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Sơn Cuol, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc gửi tiền”.*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST, ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2022/QĐ-PT, ngày 19/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 186/2022/QĐ-PT, ngày 18/10/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Văn X, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc N (theo văn bản ủy quyền ngày 01/02/2021) (có mặt).

Địa chỉ: Số C, Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

*** Bị đơn:** Quỹ tín dụng nhân dân T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Mã Phi T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Viết C (theo văn bản ủy quyền ngày 17/5/2021) (có mặt).

Địa chỉ: Số D (hẻm B) đường C phường X, quận N, thành Phố C.

* *Người kháng cáo:* Quỹ tín dụng nhân dân T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

* *Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N trình bày:*

Vào ngày 29/12/2014, ông Trần Văn X có đến Quỹ tín dụng nhân dân T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (được viết tắt là Quỹ tín dụng nhân dân T2) để gửi số tiền tiết kiệm 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*), lãi suất 0,75% tháng, hình thức trả lãi hàng tháng. Được Quỹ tín dụng nhân dân T2 cấp sổ tiết kiệm số AB474322. Khi gửi tiền ông Trần Văn X không làm giấy ủy quyền cho vợ ông là bà Lê Thị K được quyền thay mặt ông để rút tiền lãi và tiền gốc đối với số tiền nói trên. Sau khi gửi tiền ông X có đưa sổ tiết kiệm cho bà K giữ. Tuy nhiên hàng tháng bà K đã tự ý liên hệ đến Quỹ tín dụng nhân dân T2 để rút số tiền lãi. Ông X không trực tiếp đến lãnh lãi mà lại có chữ ký của ông trong các lần lãnh lãi.

Ngày 06/03/2015, vợ ông X là bà K có đến Quỹ Tín dụng nhân dân T2 để gửi số tiền tiết kiệm 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), lãi suất 0,75% tháng, hình thức trả lãi hàng tháng. Được Quỹ tín dụng nhân dân T2 cấp sổ tiết kiệm số AB 474344, đáo hạn ngày 06/03/2016.

Đến ngày 14/08/2015, ông X không đem sổ tiết kiệm của mình đến Quỹ tín dụng nhân dân T2 để cầm cố vay số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*). Tuy nhiên trong giấy đề nghị vay vốn, giấy nhận nợ, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố bằng sổ tiền gửi tất cả đều giả mạo chữ ký và chữ viết của ông X để vay số tiền trên.

Trong khoảng thời gian gửi số tiền 100.000.000đ thì bà K đến lãnh lãi đầy đủ. Đến tháng 11/2016, bà K bệnh nặng phải nằm viện điều trị. Trong quá trình điều trị ông X có hỏi ý kiến bà K để rút hết toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm là 300.000.000đ gốc để trị bệnh cho bà K, bà K kêu ông X đi rút. Tuy nhiên ông X chưa kịp đến liên hệ Quỹ tín dụng nhân dân T2 rút tiền thì bà K qua đời.

Sau khi bà K qua đời, ông X có đến Quỹ tín dụng nhân dân T2 để yêu cầu rút toàn bộ số tiền tiết kiệm của ông và của bà K. Tổng số tiền là: 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*). Tuy nhiên Quỹ tín dụng nhân dân T2 cho rằng bà K đã rút hết số tiền trên khi còn sống.

Ông X nhiều lần liên hệ Quỹ tín dụng nhân dân T2 để hỏi về sự việc trên, nhưng Quỹ tín dụng nhân dân T2 trả lời cho qua. Khi ông X yêu cầu trích lục thì mới biết có người giả mạo chữ ký của ông để rút toàn bộ số tiền ông đã gửi. Nay ông Trần Văn X yêu cầu tòa án giải quyết: Buộc Quỹ tín dụng nhân dân T2 trả cho ông số tiền: 453.000.000đ, trong đó:

- Tiền gốc 2 sổ tiết kiệm là 300.000.000đ, T1 lãi đối với số tiền 200.000.000đ vốn ông X gửi tiết kiệm tính từ 29/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với số tiền vốn 100.000.000đ (bà K gửi tiết kiệm) tổng hai khoản lãi này là 153.000.000đ.

- Quỹ tín dụng nhân dân T2 phải thanh toán thêm tiền lãi đối với số tiền gốc 300.000.000đ (*bằng chữ: ba trăm triệu đồng*) kể từ ngày 06/02/2021 đến ngày xét xử vụ án mức lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân T2 hoàn trả số tiền vốn và lãi là 100.000.000đ mà bà K đã gửi tiết kiệm vào ngày 06/3/2015. Riêng số tiền ông X gửi tiết kiệm ngày 29/12/2014 thì ông X thừa nhận bà K đã rút số tiền này, chữ ký trong giấy rút tiền ngày 29/01/2016 là chữ ký của bà K nhưng bà K đi rút số tiền này mà không thông báo cho ông X biết, bà K cũng không giao số tiền này lại cho ông X nhưng Quỹ tín dụng nhân dân T2 lại cho bà K rút vốn do ông X gửi là cho rút không đúng đối tượng. Vì vậy, ông X yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân T2 hoàn trả lại cho ông X số tiền 200.000.000đ vốn và lãi theo hợp đồng tính từ ngày 29/12/2014 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Viết C trình bày ý kiến:*

- + Đối với số tiền bà K đem đến gửi cho Quỹ tín dụng nhân dân T2 vào ngày 06/03/2015, số tiền là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), lãi suất 0,75% tháng, hình thức trả lãi hàng tháng. Được Quỹ tín dụng nhân dân T2 cấp sổ tiết kiệm số AB 474344, đáo hạn vào ngày 06/04/2016, bà K là người trực tiếp nhận lãi và nhận vốn xong, hiện nay không còn tồn tại số tiền này.

- + Đối với số tiền vốn là 200.000.000đ thì ông X là người trực tiếp đến gửi tiết kiệm cho Quỹ tín dụng nhân dân T2 vào ngày 29/12/2014, đáo hạn ngày 29/01/2016 (13 tháng) lãi suất 0,75% tháng, hình thức trả lãi hàng tháng. Được Quỹ tín dụng nhân dân T2 cấp sổ tiết kiệm số AB474322. Số tiền này bà K là người trực tiếp đến nhận lãi hàng tháng và tới ngày đáo hạn bà K đã nhận vốn xong, hiện tại không còn số tiền này nữa.

- + Đối với số tiền 100.000.000đ thì ngày 14/08/2015 bà K trực tiếp đem sổ tiết kiệm tên ông X có gửi tiết kiệm 200.000.000đ để thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân T2 để vay số tiền 100.000.000đ. Trong hợp đồng tín dụng bà K để ông X đứng tên vay. Đến ngày 29/01/2016 bà K đem tiền 100.000.000đ đến trả cho Quỹ tín dụng, hàng tháng bà K đóng lãi cho Quỹ tín dụng.

Nay nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả lại cho ông X số tiền 200.000.000đ vốn và lãi theo hợp đồng tính từ ngày 29/12/2014 cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì phía bị đơn không đồng ý vì bị đơn đã tất toán xong không còn nợ ông X số tiền vốn lãi nào.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST, ngày 18/5/2022 đã quyết định như sau:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 92, Điều 147; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 332, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn X.

2. Buộc bị đơn Quỹ tín dụng nhân dân T2 phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Văn X số tiền vốn và lãi tổng cộng là 332.950.000 đồng (Trong đó số nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 132.950.000đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Quỹ tín dụng nhân dân T2 còn phải chịu lãi trên số nợ gốc là 200.000.000đ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn tất nợ gốc.

- Đình chỉ đối với khoản tiền vốn là 100.000.000đ và lãi suất mà bà K đã gửi tiết kiệm ngày 6/3/2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01-6-2022, bị đơn là Quỹ tín dụng nhân dân T2 làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm - Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết các vấn đề sau đây:

- Về quan hệ pháp luật: Yêu cầu xác định tranh chấp là: “Tranh chấp Hợp đồng gửi tiền” không phải là: “Đòi lại tài sản”.

- Về người tham gia tố tụng: Đưa những người thừa kế của bà Lê Thị K vào tham gia tố tụng với tư cách người liên quan (vì có căn cứ xác định khoản tiền gửi 200.000.000 đồng có tính chất là tài sản chung của vợ chồng ông Trần Văn X, bà Lê Thị K, nay bà K đã chết và có tranh chấp việc xác định nghĩa vụ).

- Về nội dung vụ án: Xác định Quỹ Tín dụng chi trả tiền chung của vợ chồng ông Trần Văn X, bà Lê Thị K trực tiếp nhận lĩnh và chi dùng cho việc chung của cuộc sống chung vợ chồng; ông X hiểu rõ bà K đã nhận lĩnh tiền, nhưng chỉ vì không đưa lại ông X mà thôi.

Căn cứ kháng cáo:

- Khoản tiền gửi 200.000.000đ nêu trên không phải là tiền riêng của ông Trần Văn X, ông Trần Văn X cũng thừa nhận khoản tiền gửi trên có được trong thời kỳ hôn nhân giữa ông với bà Lê Thị K.

- Bà Lê Thị K là vợ của ông Trần Văn X (bà K chết 26/12/2016, có 01 con chung với ông Trần Văn X là ông Trần Thanh P1, sinh 1993, cư trú tại Khu B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

- Ông Trần Văn X biết rõ: Ngày gửi tiền 200.000.000đ là ngày 29/12/2014, kỳ hạn 13 tháng, ngày rút tiền 29/01/2016; tiền lãi là lĩnh hàng tháng.

- Ông Trần Văn X tự nguyện giao Sổ gửi tiền cho bà K quản lý, sử dụng, giao dịch với Quỹ Tín dụng nhân dân T2 để lĩnh tiền lãi và rút tiền vốn khi đến hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể như sau:

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án, vì các căn cứ sau:

+ *Về thủ tục tố tụng:*

- Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp không chính xác dẫn đến việc áp dụng pháp luật không chính xác.

- Cấp sơ thẩm không đưa những người thừa kế của bà Lê Thị K vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vì có căn cứ xác định khoản tiền gửi 200.000.000đ có tính chất là tài sản chung của vợ chồng ông Trần Văn X, bà Lê Thị K, do bà K đã chết và có tranh chấp nên phát sinh nghĩa vụ đối với những người thừa kế của bà K).

+ *Về nội dung vụ án:*

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm thể hiện: Nguyên đơn thừa nhận số tiền ông X gửi 200.000.000đ và số tiền bà K gửi 100.000.000đ là tiền chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, cấp sơ thẩm giải quyết buộc Quỹ tín dụng phải trả toàn bộ số tiền vốn 200.000.000đ và tiền lãi cho ông X, trong khi Q Tín dụng đã chi trả số tiền này xong cho bà K là vợ ông X, được người đại diện theo ủy quyền của ông X thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm, trong bản án sơ thẩm cũng đã xác định số tiền vốn và lãi ông X gửi ngày 29/12/2014 bà K là vợ ông X đã rút toàn bộ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Văn X không rút lại đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Quỹ Tín dụng nhân dân T2 yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu thay đổi kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp

hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Quý tín dụng nhân dân T2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm là không có căn cứ, vì bị đơn có quyền khởi kiện thành vụ án khác để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người hưởng thừa kế của bà Lê Thị K có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Xe không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo hủy án sơ thẩm của bị đơn là Quý tín dụng nhân dân T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn Quý tín dụng nhân dân T2 là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị đơn là trong phạm vi kháng cáo ban đầu, nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Quý tín dụng nhân dân T2 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giao về cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án để giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn vì cho rằng Quý tín dụng nhân dân T2 đã chi trả tiền vốn và lãi không đúng người gửi.

Xét kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu hủy án sơ thẩm thì thấy rằng:

+ *Về quan hệ quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn kiện đòi bị đơn phải trả tiền vốn và lãi theo thỏa thuận gửi tiền giữa bên gửi là nguyên đơn Trần Văn X và bên nhận tiền gửi là bị đơn Quý tín dụng nhân dân T2 được thể hiện tại Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AB474322, ngày 29/12/2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử

cấp phúc thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án này là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc gửi tiền*”.

+ *Yêu cầu đưa những người thừa kế của bà Lê Thị K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, do bị đơn không có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người hưởng thừa kế của bà Lê Thị K có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại. Vì vậy, cấp sơ thẩm không có căn cứ để giải quyết trong cùng một vụ án. Quỹ tín dụng nhân dân T2 có quyền khởi kiện yêu cầu những người hưởng thừa kế của bà Lê Thị K có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong phạm vi di sản do bà K chết để lại bằng một vụ án khác.

+ *Xét việc Quỹ Tín dụng nhân dân T2 chi trả tiền vốn và lãi cho bà Lê Thị K trong khi ông Trần Văn X là người gửi, thì thấy rằng:*

- Hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 29/12/2014 ông X có đến Quỹ tín dụng nhân dân T2 để gửi số tiền tiết kiệm 200.000.000đ, lãi suất 0,75% tháng, hình thức trả lãi hàng tháng, Quỹ tín dụng nhân dân T2 đã cấp Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AB474322 ghi tên người gửi là ông Trần Văn X, không có tên bà Lê Thị K.

- Người đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng nhân dân T2 thừa nhận khi ông X gửi tiền thì giữa các bên không có thỏa thuận hay có giấy ủy quyền có nội dung: Bà Lê Thị K là vợ ông Trần Văn X được nhận tiền lãi cũng như tiền vốn từ Quỹ tín dụng nhân dân Thanh Phú thay cho ông X.

Bà K không gửi tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân T2 nhưng Quỹ tín dụng nhân dân T2 lại trả tiền vốn và lãi cho bà K là chi trả không đúng người gửi. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc Quỹ tín dụng nhân dân T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng phải trả tiền vốn và lãi cho người gửi là ông Trần Văn X là đúng quy định của pháp luật và đúng thỏa thuận của các bên được thể hiện tại Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AB474322 ngày 29/12/2014 do chính Quỹ tín dụng nhân dân T2 cấp cho ông X.

Yêu cầu hủy án sơ thẩm của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chưa đủ các căn cứ cũng như các phân tích đã được viện dẫn nêu trên, nên không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

Đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, phù hợp với các căn cứ và phân tích đã được viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Do kháng cáo của bị đơn là Quỹ tín dụng nhân dân T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng không được chấp nhận. Vì vậy, Quỹ tín dụng nhân dân T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 01 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 01 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Quỹ tín dụng nhân dân T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

I - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng như sau:

- *Áp dụng Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 92, Điều 147; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.*

- *Điều 332, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

- *Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.*

- *Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn X.

2. Buộc bị đơn Quỹ tín dụng nhân dân T2 phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Văn X số tiền vốn và lãi tổng cộng là 332.950.000 đồng (Trong đó số nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 132.950.000đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Quỹ tín dụng nhân dân T2 còn phải chịu lãi trên số nợ gốc là 200.000.000đ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn tất nợ gốc.

- *Đình chỉ đối với khoản tiền vốn là 100.000.000đ và lãi suất mà bà K đã gửi tiết kiệm ngày 6/3/2015.*

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn ông X không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.325.000đ theo biên lai thu số 0009232, ngày 3/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn Quỹ tín dụng nhân dân T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.647.500 đồng.*

II- Về án phí phúc thẩm: Quỹ tín dụng nhân dân T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà Quỹ tín dụng nhân dân T2, huyện

M, tỉnh Sóc Trăng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0009984 ngày 06/6/2022 của của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Quỹ tín dụng nhân dân T3, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung